

Số: 956/TB-ĐHKTKTCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2025

Căn cứ Thông tư 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh mà Nhà trường đã ban hành và điều kiện thực tế về đội ngũ cán bộ, quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, các điều kiện xác định chỉ tiêu của Nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 24/3/2025, Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 951/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 19/12/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường về việc thông qua chỉ tiêu và phương hướng tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy bổ sung đợt 1 với các nội dung sau:

1. Thông tin Mã ngành, ngành, chuyên ngành, tổ hợp đăng ký xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã ngành	Tên ngành/Chuyên ngành	Mức điểm nhận hồ sơ				Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
			Điểm thi THPT	Học bạ THPT	Điểm ĐGNL	Điểm ĐGTD		
I	Cơ sở Hà Nội						130	
1	7340204	Bảo hiểm	20.80	23.65	68.50	48.50	40	Nhóm 2
2	7540203	Công nghệ vật liệu dệt, may	20.00	22.75	67.50	47.50	30	Nhóm 3
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	21.50	24.44	69.38	49.38	30	
4	7540106	ĐBCL& An toàn thực phẩm	20.00	22.75	67.50	47.50	30	
II	Cơ sở Ninh Bình						420	
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	22.00	25.00	70.00	50.00	30	Nhóm 1
2	7340101	Quản trị kinh doanh	22.00	25.00	70.00	50.00	30	Nhóm 2
3	7340115	Marketing	23.00	25.88	73.75	52.50	30	
4	7340121	Kinh doanh thương mại	21.20	24.10	69.00	49.00	30	
5	7340201	Tài chính – Ngân hàng	20.20	22.98	67.75	47.75	30	
6	7340301	Kế toán	20.00	22.75	67.50	47.50	30	
7	7510605	Logistics&Quản lý chuỗi cung ứng	23.00	25.88	73.75	52.50	30	

8	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	20.50	23.31	68.13	48.13	30	Nhóm 3
9	7480201	Công nghệ thông tin	22.50	25.44	71.88	51.25	20	
10	7510201	CNKT cơ khí	22.00	25.00	70.00	50.00	20	
11	7510203	CNKT cơ – điện tử	22.00	25.00	70.00	50.00	20	
12	7510205	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	22.50	25.44	71.88	51.25	20	
13	7510301	CNKT điện, điện tử	22.00	25.00	70.00	50.00	20	
14	7510302	CNKT điện tử – viễn thông	20.50	23.31	68.13	48.13	30	
15	7510303	CNKT điều khiển và tự động hoá	22.50	25.44	71.88	51.25	20	
16	7540204	Công nghệ dệt, may	21.00	23.88	68.75	48.75	30	
17	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	23.50	26.31	75.63	53.75	30	Nhóm 4
18	7810201	Quản trị khách sạn	23.50	26.31	75.63	53.75	30	
Tổng chỉ tiêu							550	

- Nhóm các tổ hợp môn xét tuyển:

Nhóm 1:

Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển			Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển		
	Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)		Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)
A01	Tiếng Anh	Toán	Vật lý	D14	Tiếng Anh	Ngữ văn	Lịch sử
D01	Tiếng Anh	Toán	Ngữ văn	D15	Tiếng Anh	Ngữ văn	Địa lý
D07	Tiếng Anh	Toán	Hóa học	X78	Tiếng Anh	Ngữ văn	GD&PT
D09	Tiếng Anh	Toán	Lịch sử	X25	Tiếng Anh	Toán	GD&PT
D10	Tiếng Anh	Toán	Địa lý	X27	Tiếng Anh	Toán	Công nghệ CN
D11	Tiếng Anh	Ngữ văn	Vật lý	X26	Tiếng Anh	Toán	Tin học

Nhóm 2:

Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển			Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển		
	Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)		Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	X01	Toán	Ngữ văn	GD&PT
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	X02	Toán	Ngữ văn	Tin học
A03	Toán	Vật lý	Lịch sử	X03	Toán	Ngữ văn	Công nghệ CN
A04	Toán	Vật lý	Địa lý	D01	Toán	Tiếng Anh	Ngữ văn
X07	Toán	Vật lý	Công nghệ CN	D07	Toán	Tiếng Anh	Hóa học
X06	Toán	Vật lý	Tin học	D10	Toán	Tiếng Anh	Địa lý
X05	Toán	Vật lý	GD&PT	D09	Toán	Tiếng Anh	Lịch sử
C01	Toán	Vật lý	Ngữ văn	X25	Toán	Tiếng Anh	GD&PT
C04	Toán	Ngữ văn	Địa lý	X27	Toán	Tiếng Anh	Công nghệ CN
C03	Toán	Ngữ văn	Lịch sử	X26	Toán	Tiếng Anh	Tin học

Nhóm 3:

Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển			Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển		
	Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)		Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	C02	Toán	Hóa học	Ngữ văn
A03	Toán	Vật lý	Lịch sử	D01	Toán	Tiếng Anh	Ngữ văn
X07	Toán	Vật lý	Công nghệ CN	X27	Toán	Công nghệ CN	Tiếng Anh
X06	Toán	Vật lý	Tin học	X15	Toán	Công nghệ CN	Sinh học
X05	Toán	Vật lý	GDKT&PL	X03	Toán	Công nghệ CN	Ngữ văn
C01	Toán	Vật lý	Ngữ văn	X26	Toán	Tin học	Tiếng Anh
A02	Toán	Vật lý	Sinh học	X56	Toán	Tin học	Công nghệ CN
B00	Toán	Hóa học	Sinh học	X14	Toán	Tin học	Sinh học
X11	Toán	Hóa học	Công nghệ CN	X02	Toán	Tin học	Ngữ văn
X10	Toán	Hóa học	Tin học				

Nhóm 4:

Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển			Mã tổ hợp XT	Môn tổ hợp xét tuyển		
	Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)		Môn 1 (hệ số 5)	Môn 2 (hệ số 3)	Môn 3 (hệ số 2)
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	C09	Ngữ văn	Địa lý	Vật lý
X70	Ngữ văn	Lịch sử	GDKT&PL	C01	Ngữ văn	Toán	Vật lý
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh	X01	Ngữ văn	Toán	GDKT&PL
C03	Ngữ văn	Lịch sử	Toán	D01	Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán
C07	Ngữ văn	Lịch sử	Vật lý	D11	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vật lý
C04	Ngữ văn	Địa lý	Toán	X78	Ngữ văn	Tiếng Anh	GDKT&PL
X74	Ngữ văn	Địa lý	GDKT&PL	X79	Ngữ văn	Tiếng Anh	Tin học
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh	X80	Ngữ văn	Tiếng Anh	Công nghệ CN

2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

3. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

4. Phương thức tuyển sinh:

4.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

4.1.1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển đại học;
- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;
- Đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Nhà Trường quy định.
- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt từ 6,00 điểm trở lên.

4.1.2. Xác định điểm xét tuyển:

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐPT2} + \text{KK}) + \text{UT}$$

(Điểm xét tuyển không vượt mức điểm tối đa của thang điểm xét)

Trong đó:

- ĐXT: Điểm xét tuyển

- ĐPT2 = $(M1 \times 5 + M2 \times 3 + M3 \times 2) \times 3/10$
- M1, M2, M3 là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của các môn thi trong tổ hợp xét tuyển;
- KK: Điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và điểm ưu tiên cho thí sinh đăng ký xét tuyển tại cơ sở Ninh Bình;
- UT: Điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT

4.2.1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đạt ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Nhà Trường quy định.
- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh điểm tổng kết các học kỳ xét tuyển môn Tiếng Anh đạt 7.00 điểm trở lên.

4.2.2. Xác định điểm xét tuyển:

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐPT3} + \text{KK}) + \text{UT}$$

(Điểm xét tuyển không vượt mức điểm tối đa của thang điểm xét)

Trong đó:

- ĐXT: Điểm xét tuyển
- ĐPT3 = $(M1 \times 5 + M2 \times 3 + M3 \times 2) \times 3/10$
- M1, M2, M3: Điểm tổng kết cả năm lớp 12 của các môn trong tổ hợp xét tuyển;
- KK: Điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và điểm ưu tiên cho thí sinh đăng ký xét tuyển tại cơ sở Ninh Bình;
- UT: Điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

4.3.1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh có kết quả thi kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức trong thời gian không quá 2 năm ;
- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

4.3.2. Xác định điểm xét tuyển:

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐPT4} + \text{KK}) + \text{UT}$$

(Điểm xét tuyển không vượt mức điểm tối đa của thang điểm xét)

Trong đó:

- ĐXT: Điểm xét tuyển
- ĐPT4: Tổng điểm bài thi đánh giá tư duy
- KK: Điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và điểm ưu tiên cho thí sinh đăng ký xét tuyển tại cơ sở Ninh Bình;
- UT: Điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Hà Nội tổ chức

4.4.1. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh tham dự thi kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức;

- Đủ điều kiện tốt nghiệp THPT theo quy định;

4.4.2. Xác định điểm xét tuyển:

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐPT5} + \text{KK}) + \text{UT}$$

(Điểm xét tuyển không vượt mức điểm tối đa của thang điểm xét)

Trong đó:

- ĐXT: Điểm xét tuyển

- ĐPT5 = Tổng điểm tổ hợp cao nhất bài thi đánh giá năng lực

- KK: Điểm khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và điểm ưu tiên cho thí sinh đăng ký xét tuyển tại cơ sở Ninh Bình;

- UT: Điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường hoặc nộp qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh trước 17h00 ngày 05/9/2025 (tính theo dấu bưu điện);

6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- 01 bản sao Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

- 01 bản sao Học bạ THPT;

- 01 bản sao Bằng hoặc GCN tốt nghiệp (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025);

- 01 bản sao GCN kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (nếu có)

- 01 bản sao GCN kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (nếu có)

- 01 bản sao CMND hoặc Thẻ CCCD;

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo **Phụ lục** đính kèm.

- Bản sao giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)

Ghi chú: Mỗi thí sinh có thể đăng ký nhiều nguyện vọng trong cùng đợt xét tuyển.

7. Lệ phí đăng ký xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng.

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT qua đường bưu điện phải nộp lệ phí ĐKXT vào tài khoản của Nhà trường, nếu không thực hiện thí sinh sẽ không được đưa vào danh sách xét tuyển;

- Số tài khoản của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhận lệ phí ĐKXT năm 2025: 11810008887888. ngân hàng BIDV - chi nhánh Bắc Hà.

Ghi chú: Nội dung chuyển tiền thí sinh cần ghi chính xác thông tin cá nhân như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số CMND hoặc Thẻ CCCD, lệ phí xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức xét học bạ THPT...

8. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ

hợp, phương thức tuyển sinh:

TT	Phương thức điểm thi THPT	Phương thức KQ học tập THPT	Phương thức ĐGTD	Phương thức ĐGNL
Mức 1	0 - 18.00	0 - 20.50	0 - 45.00	0 – 65.00
Mức 2	18.00 – 22.00	20.50 – 25.00	45.00 – 50.00	65.00 – 70.00
Mức 3	22.00 – 26.00	25.00 – 28.50	50.00 – 60.00	70.00 – 85.00
Mức 4	26.00 – 30	28.50 – 30	60.00 - 100	85.0 – 150

Công thức quy đổi từ $x \in [m,n]$ về $y \in [a,b]$ là:

$$y = a + (b-a)$$

Trong đó:

- y là điểm của phương thức gốc (*phương thức điểm thi*)
- x là điểm của phương thức cần quy đổi
- m là điểm bắt đầu của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- n là điểm kết thúc của khoảng điểm phương thức cần quy đổi
- a là điểm bắt đầu của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc
- b là điểm kết thúc của khoảng điểm tương ứng phương thức gốc

9. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

9.1. Đối với các thí sinh có ĐXT bằng điểm chuẩn mà số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lớn hơn chỉ tiêu thì ưu tiên theo tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng;

9.2. Ưu tiên đối với thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế cụ thể như sau:

- Thí sinh có thể sử dụng Chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế để quy đổi điểm thay thế môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển của phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT và xét kết quả học tập bậc THPT;

- Cộng điểm khuyến khích cho tất cả thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Bảng quy đổi điểm và điểm ưu tiên chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế:

STT	Chứng chỉ			Điểm quy đổi	Điểm khuyến khích (tương ứng thang 30)
	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L& R&S&W)		
1	7.0 trở lên	94 trở lên	985/200/200	10	0.5
2	6.5	79 - 93	940/ 170/170	9.5	0.4
3	6.0	60 - 78	860/165/165	9.0	0.3
4	5.5	46 - 59	785/160/160	8.5	0.2
5	5.0	30 - 45	550/120/120	8.0	0.1

9.3. Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển tại cơ sở Ninh Bình được cộng 2,5 điểm khuyến khích (*tương ứng với thang điểm 30*) vào tổng điểm xét tuyển.

9.4. Độ chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển trong phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

9.4.1. Đối với các ngành tuyển sinh bằng nhóm tổ hợp 1: Trong tổ hợp xét tuyển có môn Toán thì độ chênh lệch là +0.5 điểm (*điểm chuẩn các tổ hợp có môn Toán sẽ thấp hơn các tổ hợp còn lại là 0.5 điểm*).

9.4.2. Đối với các ngành tuyển sinh bằng nhóm tổ hợp 2 và 3: Trong tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh thì độ chênh là +0.5 điểm (*điểm chuẩn các tổ hợp có môn Tiếng Anh sẽ thấp hơn các tổ hợp còn lại là 0.5 điểm*).

9.4.3. Đối với các ngành tuyển sinh bằng nhóm tổ hợp 4 : Trong tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh hoặc môn Toán thì độ chênh là +0.5 điểm, nếu có đồng thời cả môn Toán và môn Tiếng Anh độ chênh là +1.0 điểm (*điểm chuẩn các tổ hợp có môn Tiếng Anh hoặc môn Toán sẽ thấp hơn các tổ hợp còn lại là 0.5 điểm, nếu có đồng thời cả môn Toán và môn Tiếng Anh sẽ thấp hơn 1 điểm*).

10. Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ ĐKXT: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Cơ sở Hà Nội:

+ Phòng 107 Nhà HA3, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; 454 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội.

+ Phòng 109 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 218 Lĩnh Nam, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Cơ sở Ninh Bình: Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 353 Trần Hưng Đạo, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: 0965698288; Hotline: 0962698288

- Email: tuyensinh@uneti.edu.vn

- Website: www.uneti.edu.vn ; www.tuyensinh.uneti.edu.vn

Nơi gửi:

- Website trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, TS&TT.

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

TS. Trần Hoàng Long